

NHÌN LẠI LỊCH SỬ BÁCH VIỆT VÀ QUÁ TRÌNH HÁN HÓA BÁCH VIỆT



08 Tháng Chín 2016 12:00
SA(Xem: 5056)
Trần Gia Ninh

Tượng Thừa tướng Nam Việt Lữ Gia

□ *Linh Tiên Đạo Quán, Hoài Đức, HN.*

Khi đọc những câu hỏi “Vì sao đã thống trị Việt Nam hơn ngàn năm mà cuối cùng Trung Quốc vẫn không thể đồng hóa Việt Nam?”. Hoặc “Người Việt Nam (tộc người Kinh) vì sao mà khó đồng hóa như vậy? (1), nhiều người nghĩ chắc là ý kiến của những anh chàng người Việt nặng đầu óc dân tộc chủ nghĩa. Nhưng thật bất ngờ, những câu hỏi này và tương tự như vậy hiện là những chủ đề nóng của các diễn đàn tranh luận trên mạng Internet của người Trung Hoa, bằng tiếng Trung chứ không phải của người Việt.

Họ đã chót vọt nhau, đại loại thế này: Hơn một nghìn năm, trước khi nhà Tống lên ngôi, Giao Châu là thuộc Trung Hoa, dù chị em họ Trung có nổi dậy cũng chỉ mấy năm là dẹp yên. Thế mà vì sao từ đời Tống trở đi các triều đại Trung Hoa không thể

thu phục nòi Việt Nam. Hơn nữa, dân tộc Việt Nam, người Kinh
y, từ đâu mà ra, hình thành từ lúc nào? Người Hán chúng ta từ
cũ xưa đã có sức đồng hóa cực mạnh. Số dân tộc đã bị Hán tộc
đồng hóa không đếm xuể. Tại sao chừng này năm đô hộ vậy mà
không đồng hóa nòi Việt Nam... Nếu An Nam là thuộc Trung Quốc từ
thời đó, liệu bây giờ quần đảo Nam Sa (VN gọi là Trường Sa) có
thành vùn đờ không? Việt Nam có còn chiếm được nhiều đảo ở Nam
Sa như bây giờ không?

Là người Việt Nam, chắc ai cũng muốn chính mình tìm câu trả
lời cho những câu hỏi thú vị đó. Chúng ta từng nghe nói rằng,
từ xa xưa một dải giang sơn mênh mông từ Nam sông Dương Tử trải
về Nam là nơi các tộc dân Việt sinh sống và phát triển nên văn
minh lúa nước rực rỡ. Thế rồi ngày nay, hầu hết đều trở thành
lãnh thổ và giang sơn của người Hán, dùng Hán ngữ và văn hóa
Hán. Quá trình đó người ta quen gọi là Hán hóa. Vì vậy nhìn
lại lịch sử Bách Việt và quá trình Hán hóa Bách Việt, và quá
trình Hán hóa Bách Việt, là một cách ôn cố tri tân hữu ích.
Đáng tiếc là thời xa xưa đó lịch sử chủ yếu ghi chép lại bằng
Hán ngữ của Trung Hoa, không tiếp cận với đa số hiện nay.
Vì lẽ đó người viết bài này cố gắng tóm tắt những gì mà sách
còn ghi lại, kết hợp với những tài liệu khoa học đã
công bố của một số học giả uy tín trên thế giới, ngõ hầu cung
cấp một vài thông tin hữu ích, nhiều chi tiết, kể cả còn đang
tranh cãi.

Bách Việt là ai và ở đâu?

Vào thời thượng cổ, từ đời nhà Thương (khoảng 1600-1046
TCN), trong văn tự thì chỉ có một chữ Việt (nghĩa là cái
rìu), cũng là tên chung cho tộc người ở phía Nam không phải là
người Trung Hoa, do tộc người này sử dụng rìu (Việt) làm công
cụ. Về sau, vào thời Xuân Thu Chiến quốc (722-221 TCN)
bắt đầu trong văn tự có hai chữ Việt là 越 và 粤, đều chỉ bộ tộc
Việt, dùng như nhau (Sách cổ viết là 越-Việt Việt Hổ Thông),
ta hay gọi 越 là Việt bộ tâu 越 (đi, chạy) và Việt 粤 là Việt bộ
mã 粤-(lúa) (2).

Trong Hán ngữ cận, hiện đại, hai chữ Việt này (có thể từ sau

đời Minh) thì dùng có phân biệt rõ ràng. Chữ Việt bộ tu 越 là ghi tên tộc Việt ca nước Việt có lãnh thđ 地 vùng Bắc Triết Giang, ngày nay là vùng Thượng Hải, Ninh Ba, Thiệu Hưng (Cố Kê 会稽 xưa). Một loại ca kịch cũ 古 vùng này vẫn còn tên là Việt Kịch 越剧. Chữ Việt bộ tu này cũng là tên ca tộc Nam Việt (Triệu Đà) Âu Việt và Lạc Việt (Việt Nam ngày nay), Mân Việt (Phúc Kiến), Diên Việt (Vân Nam, Quảng Tây)... Chữ Việt 越 bộ mã 馬 ngày nay dùng ghi tên cư dân vùng Quảng Đông, Hồng Kong, Ma Cao... những cư dân này sử dụng ngôn ngữ gọi là tiếng Quảng Đông (Cantonese). (Ai đến Quảng Châu đều thấy biên xe ô tô đều bịt đều bằng chữ 越 là vì vậy).

Bởi vì xưa có đến hàng trăm tộc Việt, cho nên sách gọi chung là Bách Việt 百越 hoặc 百夷. Tên gọi Bách Việt xuất hiện trong văn sách lần đầu tiên trong bộ Lễ thị Xuân Thu 春秋 ca Lã Bật Vi 吕不韦 (291–235 TCN) thời nhà Tần.

Trong lịch sử Trung Hoa, toàn bộ vùng đất Giang Nam (tên gọi vùng Nam Sông Dương Tử), rộng bởi tám ngàn dặm từ Giao Châu đến Cố Kê, từ trước thời Tần Hán đều là nơi cư ngụ ca các tộc Bách Việt.

Thời nhà Hạ gọi là Vu Việt 禺夷, đời Thương gọi là Man Việt 蠻夷 hoặc Nam Việt 南夷, đời Chu gọi là Dương Việt 揚夷, Kinh Việt 荊夷, từ thời Chiến quốc gọi là Bách Việt 百夷.

Sách Lộ Sử ca La Bí (1131 – 1189) người đời Tống viết (3): Việt thường, Lạc Việt, Âu Việt, Âu ngai, Thái âu, Tây âu, Cung nhân, Mục thâm, Tây phu, Cốm nhân, Thương ngô, Việt khu, Quảng quốc, Tần tử, Sơn lí (Tây Song Bến Nạp), Hải quý, Cốu khuân, Kê dư, Bắc đài, Phó cú, Khu ngô (Cú ngô)..., gọi là Bách Việt.

Hán Hóa Bách Việt – Giai đoạn từ thượng cũ đến trước thời Tần-Hán

Gọi Hán hóa chỉ là để cho tiện thôi, thực ra không đúng, vì lúc này làm gì đã có nhà Hán. Hai nước Ngô – Việt là những tộc Bách Việt được ghi chép rất sớm trong sách sách. Nước Ngô 吳 còn gọi là Cú Ngô 姑吳, Công Ngô 公吳... lập quốc vào thời Chu Vũ Vương (thế khoảng 12 TCN), kinh đô 吳 都 蘇 州 ngày nay, từ thời

t[riều] là Ngô Thái Bá [?] truy[ền] đ[ế]n Phù Sai[?] thì bị diệt vong b[ên] nước Việt (473 TCN). Thực ra ghi chép sớm nh[ất] trong s[ách] là Vu Việt [?], ti[ên] thân c[ủa] nước Việt [?] thời Chi[ến] qu[ốc]. Nước Việt đã t[ồn] tại muộn nh[ất] cũng từ thời nhà Thương, không tham gia vào sự kiện Vũ Vương Phạt Trụ (1046 TCN), nhưng s[ách] có ghi là khá lâu trước đó đã làm tân khách c[ủa] Chu Thành Vương [?](1132 – 1083 TCN). Nước Việt đã có một văn hóa dân tộc đặc s[ắc], gọi là Văn hóa Mã Ki[êu] [?], mà các chứng tích đã tìm th[ấy] khi khai quật di ch[ỗ] Thái H[ồ] [?]. Nước Việt định đô [?] C[ố]i Kê [?] (Thiệu Hưng ngày nay) truy[ền] đ[ế]n đời Câu Ti[ên] [?] (496 – 464 TCN) thì bành trướng lên phía B[ắc], năm 473 TCN sau khi diệt nước Ngô, m[ở] rộng bờ cõi B[ắc] chi[ếm] Giang Tô [?], Nam đoạt Mân Đài [?] (tức Phúc Ki[ên] ngày nay), Đông giáp Đông H[ải] [?], Tây đ[ến] Hoàn Nam [?] (phía Nam An Huy ngày nay), hùng cứ một cõi Đông Nam. Đ[ến] năm 306 TCN, nước S[ở] [?] nhân nước Việt, tri[ều] vua Vô Cương, nội loạn, bèn liên k[ết] với nước T[riều] [?] ti[ên] chi[ếm] nước Việt, đ[ổi] thành quận Giang Đông, nước Việt tuyệt diệt và bị S[ở] hóa từ đó. Những sự kiện này được ghi chép t[riều] m[ở] trong bộ s[ách] Ngô Việt Xuân Thu [?] do Triệu Diệp [?] thời Đông Hán soạn (~năm 25). Các nhà khoa học th[ế] giới ngày nay cũng đã phục dựng đ[úng] đ[úng] lịch s[ử] này, ví dụ xem Eric Henry (4).

Đ[ến] đây c[òn] nói rõ, S[ở] là g[ốc] Hoa Hạ (sau này gọi là Hán) hay là Bách Việt, hiện còn nhi[ều] tranh cãi. Dân Hoa Hạ (chính là tộc Hán sau này) nhận mình là con cháu c[ủa] Tam Hoàng, Ngũ Đ[ế]. Tam Hoàng thì r[ất] th[ần] tiên, mơ h[uyền], Ngũ Đ[ế] có v[ật] cụ th[ực] hơn. Theo S[ách] Ký c[ủa] Tư Mã Thiên (5) thì đó là năm chi: Hoàng Đ[ế] ([?]), Chuyên Húc ([?]), Đ[ế] C[ố]c ([?]), Đ[ế] Nghiêu ([?]), Đ[ế] Thu[ấn] ([?]). Dân nước S[ở] tự nhận thuộc chi Chuyên Húc, họ Cao Dương [?] tức là tộc Hoa Hạ (Hán). Đ[ất] nước S[ở] nằm [?] đoạn giữa sông Trường Giang, vùng Nam B[ắc] H[ồ] Động Đình, quen gọi là vùng Kinh S[ở] (H[ồ] B[ắc] – H[ồ] Nam c[ủa] Trung Hoa ngày nay). Vùng Kinh S[ở] nằm ch[ính] l[ên] phía Nam lưu vực sông Hoài sông V[ị] c[ủa] dân Trung Nguyên Hoa Hạ. Đó là vùng đ[ầu] đ[ầu] tiên mà một chi c[ủa] dân Hoa Hạ (chi Chuyên Húc) thiên di xu[ống]. Nhà thơ Khu[ất] Nguyên (340 – 278 TCN) người nước S[ở], m[ở] đ[ầu] bài thơ Ly Tao đã vi[ết] (6): Bá Dung nhớ cha ta thu[ở] nợ, /V[òng] dòng vua v[òng] họ Cao Dương

(Nhượng Tống dịch thơ). Trước khi con cháu Cao Dương nam thiên đôn đây, dân bản địa là tộc nào? Nước Sở lập quốc vào cuối đời Thương đầu đời Chu (1042 TCN). Sách Sở Ký – thiên Sở Thục gia viết rằng người Sở là dân Man (Sở Man), vua Sở nhận mình là dân Man Di (7). Man là chữ người Hoa Hạ gọi dân miền Nam không phải là Trung Hoa. Những khai quật khảo cổ ở vùng Kinh Sở gần đây cũng cho thấy rằng thực ra cư dân tại các vùng Kinh Sở có nguồn gốc Tam Miêu, một dân tộc thuộc nhóm Bách Việt. Đây có thể là nhóm Âu Việt ở phía Tây nên còn gọi là tộc Tây Âu, để phân biệt với Đông Âu là tộc Âu Việt phía Đông, tức vùng Mân – Đài (Phúc Kiến). Tộc Tây Âu, theo các nhà dân tộc học, có thể là tổ tiên các tộc H'mông, Lào, Miến, Thái... hiện nay, ít nhiều cũng có cùng huyết thống người Việt Nam cổ. Như vậy là quá trình Trung Hoa hóa dân Man (Miêu tộc bản địa) đã bắt đầu từ cuối Thương đầu đời Chu rồi. Có thể tạm gọi đó là đợt đầu hóa thứ nhất. Sự Trung Hoa hóa theo thế lực nước Sở, bành trướng đến Trùng Khánh, Quý Châu, và sau sang tiếp phía Đông, trở thành một trong thế lực hùng thời Chiến quốc. Đặc biệt là quý tộc Sở cổ đầu có họ Hùng (𢆏 – con gấu), vua Sở là Hùng Vương, phải chăng có liên hệ gì đó đến Hùng Vương ở Việt Nam, chẳng khác chữ Hán viết 𢆏 – hùng mạnh, (trong sách Trung Hoa cổ không tìm thấy ghi Hùng Vương ở đây, có lẽ đây là do các nhà Nho Việt Nam viết lại sau này!). Tóm lại đến thời Khuất Nguyên, rồi sau đó là lúc Sở diệt Việt phía Đông, thì Sở đã hoàn toàn biến thành dân Trung Hoa, và quá trình Trung Hoa hóa Ngô – Việt là quá trình đợt hóa thứ hai, tiến hành thông qua nước Sở.

Các nhà khoa học Nhật, Mỹ, đã có nhiều phát hiện, chứng minh nền văn minh Ngô Việt sau khi nước Việt bị diệt và Trung Hoa hóa (đúng hơn là Sở hóa), đã theo dòng người Ngô Việt chạy ra biến sang Nhật Bản (tiếng Nhật Bản đọc Hán tự theo kiểu nước Ngô, nên gọi là 倭-Go On- Ngô âm 𠬞). Nền văn minh đó chủ yếu theo bộ phận tinh hoa của dân Ngô Việt chạy xuống phía Nam hợp lưu cùng Việt bản địa, thành ra văn minh Việt kéo từ Lĩnh Nam (phía Nam dãy Ngũ Lĩnh – tức Bắc Lương Quảng ngày nay) đến Giao Chỉ. Theo phát hiện của Jerry Norman và Tsu-lin Mei (Washington University và Cornell University) thì nhiều từ cổ

của tộc Việt nước Ngô Việt hiện vẫn thông dụng trong tiếng Việt ngày nay, ví dụ các từ: chột; chó, đong (trong đong cút), sông, khải (hải), ngà (trong ngà voi), con (trong con cái), ruồi, đầm (trong đầm ứot), sam (con sam), biết; bột, bèo...8 Điệu này chứng tỏ rằng dân Lạc Việt ít nhiều có cùng huyết thống với dân Ngô Việt xưa.

Hán hóa Bách Việt- Giai đoạn sau thời Tần-Hán

Cho đến trước khi Tần Thủy Hoàng diệt được sáu nước, dẹp bỏ nhà Chu, thống nhất Trung Hoa (221 TCN) thì dân Hoa Hạ (Hán tộc) chỉ chiếm lãnh và đong hóa được dải đất từ Hoàng Hà xuống đến Ngũ Lĩnh9, còn từ Ngũ Lĩnh trở về Nam (Lưỡng Quảng, Giao Chỉ, Hối Nam... gọi tắt là Lĩnh Nam) thuộc về Âu Việt (gọi chung Tây Âu và Đông Âu) và Lạc Việt. Từ Kinh Sở trở về Tây, Tây Nam (Vân Nam) vẫn còn thuộc về Địch Việt, Tây Âu, Đại Lý...

Vùng Bách Việt phía Tây Nam này (Vân Nam) thì mãi đến thế kỷ 12 còn độc lập, dù người Hán có tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm chiếm liên tiếp. Chỉ sau khi Mông Cổ chiếm Đại Lý (1253), Vân Nam, rồi sau đó chiếm nốt Trung Hoa, lập ra nhà Nguyên, thì Vân Nam mới nhập vào Trung Hoa. Năm 1381, Minh Thái Tổ mới bình định xong Vân Nam và cuộc Hán hóa hoàn tất rất nhanh. Ngày nay hơn 61% cư dân Vân Nam là người Hán.

Vùng Lĩnh Nam chiếm làm đất Trung Hoa từ thời Tần – Hán, nhưng quá trình Hán hóa thì khá khó khăn và cho đến nay vẫn chưa xong hết (!). Các sách Trung Hoa chép thì Lĩnh Nam có nhiều bộ tộc Việt lập quốc như Tây Âu, Lạc Việt... có nước Dạ Lang (nhưng không thấy chép Văn Lang!). Âu và Lạc (10) là một tộc Việt hay là hai tộc Việt khác nhau, cho đến tận ngày nay vẫn còn tranh cãi. Sách “Hoài Nam Tử” (139 TCN) thì chỉ viết có Tây Âu (11) không có nói đến Lạc chỉ nào cả. Sách “Sổ Ký” (94 TCN) muộn hơn một ít thì cũng có viết Âu, không tìm thấy chữ Lạc đứng riêng một mình, mà luôn luôn chỉ có chép Âu Lạc liên nhau (12). Tuy nhiên trong Lã thị Xuân Thu (291–235 TCN) sớm nhất thì có chép “Việt Lạc-” (13). Việt Lạc rất có thể chính là nước Lạc Việt trong sách sau này, Việt Lạc là ghi âm trực tiếp từ ngôn ngữ người Việt, theo ngữ pháp Việt, còn sau

này ghi Lạc Việt là ghi chép qua thông dịch sang Hán Ngữ, theo ngữ pháp Hán.

Lược theo sách chép, có thể thời tiền Tần thì Âu và Lạc là hai chi Việt khác nhau. Thời kỳ chiến đấu chống lại Tần thì có thể hai chi Việt này liên minh lại với nhau thành một khối Âu Lạc. Lúc đó trung tâm là vùng Nam Trung Hoa, vùng Vũ Minh Mã đầu (Nam Ninh – Quảng Tây ngày nay). Chỉ sau khi Hán Vũ Đế bình Nam Việt của Triệu Đà thì hai chi này mới lại phân chia ra, và trung tâm di về vùng quanh Hà Nội ngày nay.

Đồng thời với nước Lạc Việt có nước Tây Âu hay Âu Việt mà người đứng đầu trong sách chép là Thục Phán. Tuy nhiên Âu Việt lập quốc lúc nào và Thục Phán từ đâu ra thì sách không ghi rõ. Rất nhiều ý kiến cho rằng Thục Phán là hậu duệ của vương triều nước Thục. Quốc thực sách có chép một quốc gia tên là Thục Quốc, ở Tây Nam Trung Hoa ngày nay. Thường Cừ (347 người đời Tần viết trong Sách “Hoa Dương Quốc Chí” (14): “Nước Thục Đông giáp nước Ba, Nam giáp Việt, Bắc phân giới với nước Tần, Tây tựa Nga Ba”. Vị trí địa lý như vậy nên cư dân ở đây bao gồm người Khương, người Việt, người Hoa Hạ. Dòng họ Khai Minh làm vua nước Thục, truyền được 12 đời, đến năm 316 TCN đời Chu Thận Vương thì bị nhà Tần diệt (15), hậu duệ chạy về phương Nam. Sách chép đến đây thì đứt đoạn, không nói gì tiếp. Cho nên về sau nói Thục Phán là hậu duệ Khai Minh thì, cha Thục Phán là Khai Minh Chi chiếm lưu vực Diệp Du Thủy (tức thượng nguồn sông Hồng) (16), xưng là An Tri Vương vua nước Tây Âu, sau truyền ngôi cho con là Phán, cũng chỉ là một giả thuyết, chép lại theo truyền thuyết của tộc dân Đại Y (17).

Lúc này cũng là thời kỳ theo truyền thuyết là có nước Văn Lang ở phía trung và hạ lưu sông Hồng (trong các sách Trung Hoa không có tên nước Văn Lang, chỉ có tên một nước là Dạ Lang, liệu có liên quan đến Văn Lang không?), do dòng họ Hùng làm vua. Việc Thục Phán là hậu duệ nước Thục, cũng như nước Văn Lang có vua Hùng trị vì 18 đời trong sách An Nam là ghi lại theo truyền thuyết. Tuy nhiên Thục Vương tự tên Phán, Hùng Vương vua Lạc Việt, Thục diệt Hùng Vương chiếm lãnh thổ, xưng là An

Dương Vương thì có ghi trong sách Trung Hoa từ đầu Công nguyên.

Theo quyển “Việt sử lược” (18), của tác giả không rõ tên, có lẽ là người Việt Nam khi in ở Trung Hoa vào quãng cuối Nguyên đầu đời Minh (~1360), có viết về nước Văn Lang, vua là Đai Vương, sau bị Thục Phán đánh đuổi, Phán xưng là An Dương Vương.

Sách của “Thủy kinh chú” dẫn lại lời ghi trong “Giao châu ngoại vực ký” rằng (19) “... Thục Vương Tị dẫn binh tướng ba vạn đánh lại Lạc Vương Hùng, Lạc hầu, thu phục các Lạc Tướng. Rồi đó Thục Vương Tị xưng là An Dương Vương”. Sách “Cựu Đường thư” dẫn lại “Nam Việt chí” chép (20) “Đất Giao Chỉ vô cùng màu mỡ, xưa có vua xưng là Hùng Vương, có Lạc hầu phò tá. Thục Vương Tị dẫn quân tướng ba vạn tiến đánh, diệt được Hùng Vương. Thục xưng làm An Dương Vương, cai trị Giao Chỉ”. Như vậy thì sách có ba tên gọi cho vua nước Lạc Việt: Lạc Vương, Hùng Vương, Đai Vương. Có nhiều ý kiến cho rằng ba tên gọi này là một, chính là Lạc Vương, các tên khác do vì sau sao chép nhầm chữ Lạc ở của Hán ngữ mà thành (21). Dù sao thì cũng có hai lý giải về truyền thuyết danh xưng Hùng Vương, một là dòng dõi họ Hùng Vương nước Sở, hai là Lạc Vương vua của dân Lạc Việt. Dù tên tuổi đúng sai thế nào, thì Hùng Vương không chỉ thuần túy là truyền thuyết của Việt Nam, mà cũng có ghi trong sách Trung Hoa. Nhân vật Thục Phán tuy nguồn cội chưa xác định, nhưng cũng có thật, đánh chiếm Lạc Việt lập nên nước Âu Lạc xưng là An Dương Vương cũng là có thật, có ghi trong chính sách không chỉ của Việt Nam (22).

Tên diệt Sở, rồi đánh chiếm Lĩnh Nam, Đô Úy Triệu Đà được Tần cửt các quân lĩnh Quế Lâm, Tượng Quận. Nhân khi nơi nơi nổi lên chống Tần, năm 204 TCN Triệu Đà bèn chiếm Lĩnh Nam lập nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Châu) và đánh chiếm Âu Lạc. Sách “Giao Châu ngoại vực ký” chép: “Nam Việt Vương Úy Đà cử binh đánh An Dương Vương. An Dương Vương có thần nhân Cao Thông phò tá, chỉ ra nơi thần cho An Dương Vương, một phát giết được ba trăm mạng” (23). Sách “Thái Bình Ngự Lãm” dẫn “Nhật

Nam truyện” còn chép phóng đại hơn, nói một phát giết ba vạn người và còn kể tiếp chuyện tình Mỹ Châu Trọng Thủy, chuyện một nữ thần, dân đất An Dương Vương thất bại (24). Nước Âu Lạc từ đó nhập vào nước Nam Việt (25). Triệu Đà lập nước Nam Việt năm 203 TCN, giữ độc lập với nhà Hán được 92 năm, truyền 5 đời vua, đến đời Triệu Kiến Đức và thừa tướng Lữ Gia (26) thì mất nước vào tay Hán Vũ Đế năm 111 TCN. Một dải Lĩnh Nam và Đông Hời bị Hán chiếm và Hán hóa kéo dài hơn ngàn năm, ngoại trừ Lạc Việt, còn lại hoàn toàn trở thành Hán. Lạc Việt, sau hơn 1000 năm nô lệ và Hán hóa, vẫn giữ được bản sắc và nền văn minh Việt, cuối cùng thì giành được độc lập và trở thành Đại Cồ Việt, Đại Việt, Nam Việt và Việt Nam đến tận ngày nay. Đó là một trường hợp duy nhất mà Trung Hoa không thể Hán hóa được.

Vì sao Đại Việt không bị Hán hóa?

Đồng hóa dân tộc (national assimilation) gồm:

1 – Đồng hóa tự nhiên: đây là một xu hướng tự nhiên trong tiến trình lịch sử loài người.

2 – Đồng hóa cưỡng chế: sự cưỡng bức một dân tộc bị trị chấp nhận ngôn ngữ, chữ viết, phong tục, tập quán của dân tộc thống trị; đây là một tội ác. (27) Người Hán đã thực hiện cả hai biện pháp đồng hóa này hơn một ngàn năm mà Đại Việt vẫn không bị đồng hóa, người Trung Hoa ngày nay tìm mọi lý lẽ để biện minh nhưng chính họ cũng không thể thuyết phục lắm. Chúng hạn:

* Việt Nam xa Trung Nguyên, núi sông cách trở không tiện đồng hóa. Phỏng bác lại: Tại sao Vân Nam cũng xa, núi sông cách trở hơn nhiều mà chỉ trong mấy trăm năm đã bị đồng hóa hoàn toàn.

* Việt Nam ở phương Nam, nóng ẩm, người Hán không ở được. Thế tại sao Hời Nam cũng như vậy mà lại ở được, đồng hóa xong rồi.

* Tại vì số lượng người Hán di dân xuống Việt Nam ít. Thực ra, không có bằng chứng nào là ít hơn Hời Nam, Vân Nam cả. Chỉ riêng số quan lại cai trị và số quân chiếm đóng trong hơn một ngàn năm, cũng không ít hơn số dân bản địa. Chỉ có thể hiểu

người Hán ở đây đã bị Việt hóa. Cũng có ý kiến cực đoan bên vực, nói rằng thực ra đã Hán hóa dân Việt rồi nhưng từ sau năm 1945, Việt Nam đã thanh lọc lại hết!

Cũng có một số kiến giải của người Trung Hoa bình thường ngày nay, xem ra cũng ít nhiều có lý, ví như:

- * Người Kinh có ba nguồn gốc: Người Lạc Việt, Người Thục, Người Hán. Do vậy người Kinh hợp thụ được tinh hoa của ba chủng tộc nên trở thành một tộc người ưu tú.

- * Người Hán ở Việt Nam không chỉ các tầng lớp cai trị không đồng hóa được người Kinh, trái lại bị đồng hóa ngược trở thành người Việt. Người Kinh là một tộc người có năng lực đồng hóa mạnh, bằng nào không nói là còn hơn người Hán. Hãy xem họ mở rộng về phía Nam thì rõ.

Nhưng đó chỉ là những lý do bề ngoài mà những người bình thường có thể nhận thấy được. Thực ra, theo các nhà chuyên môn, đồng hóa dân tộc là một vấn đề khoa học lớn, rất nhạy cảm và vấn đề chưa có được một lý thuyết nào đứng vững chắc, vì vậy tạm thời không bàn đến lý luận trong bài này. Thông thường đồng hóa dân tộc là một sự đồng hòa gồm:

- * Đồng hóa chủng tộc, thường được thực hiện bằng một cuộc chinh phục và kế chinh phục hoặc diệt chủng dân bị chinh phục, hoặc xua đuổi dân bị chinh phục để thay thế bằng cư dân của phía chinh phục, hoặc pha loãng huyết thống.

- * Đồng hóa về văn hóa, tín ngưỡng.

- * Đồng hóa về tổ chức cộng đồng, xã hội.

(Về vấn đề Văn Hóa, Ngôn Ngữ, Tín Ngưỡng, đều là những yêu cầu cơ bản của dân tộc Việt, xin dành cho bài sau).

Sự đồng hóa dân tộc sẽ khó được thực hiện.

1. Nếu một dân tộc có sức sống sinh học và xã hội mãnh liệt thì sự đồng hóa chủng tộc khó thành công, ví dụ điển hình là dân tộc Do Thái.

2. Đồng hóa về văn hóa, tín ngưỡng phụ thuộc vào trình độ văn minh của dân tộc. Một dân tộc mạnh về chính trị, có thể chiến thắng trong cuộc chinh phục, nhưng nếu trình độ văn minh thấp hơn thì sẽ bị kế bại trận đồng hóa, điển hình như tộc

Hung Nô, Nữ Chân, Mãn Châu... đều chiến thắng người Hán nhưng lại bị Hán hóa.

3. Khi một cộng đồng dân tộc có tổ chức tốt, có kết các thành viên bền chặt, thì dân tộc đó rất khó bị đồng hóa.

Nhìn lại thì thấy người Việt (người Kinh) có đến cả ba yếu tố 1,2,3: Người Kinh hiện nay là nơi tập hợp các thành phần ưu tú nhất của Bách Việt, bởi lẽ khi Bách Việt bị Hán hóa, các thành phần ưu tú, tinh hoa trong xã hội Việt là mục tiêu tàn sát của người Hán, do đó các thành phần này phải tháo chạy, và nơi dung nạp họ là mảnh đất cuối trời Bách Việt, tức Việt Nam ngày nay. Hãy xem thí dụ về ngôn ngữ Ngô Việt còn lưu lại trong tiếng Việt (như đã nói ở trên), đó là một bằng chứng cho sự dịch chuyển của người Ngô-Việt xuống đây. Vì vậy tộc người Kinh có sức sống mãnh liệt.

Tinh hoa của văn minh Bách Việt được cô đọng lại ở người Kinh, chắc chắn không kém nền văn minh Hoa Hạ. Người Việt dù không có văn tự riêng (hay có mà bị xóa sạch sau ngàn năm nô lệ) nhưng vẫn phát triển và bảo tồn được ngôn ngữ dân tộc, dù phải mượn Hán Ngữ để ghi chép, thì thật là một kỳ tích, chúng kém gì người Do Thái vẫn giữ được tiếng Do Thái dù bị diệt chủng và xua đuổi hai ngàn năm.

Tổ chức xã hội của tộc Việt, điển hình là làng xã đã có kết cộng đồng rất chặt. Tổ chức nhà nước cũng có rất sớm, từ thời Chiếu quốc, do đó rất khó phá vỡ, nó tồn tại đến tích sau khi khi đã độc lập. Hãy nhớ đến Hội Nghị Diên Hồng thời Trần để thấy tinh thần của tổ chức xã hội gắn kết người dân với triều đình chặt chẽ đến mức nào. Ngay cả một vương triều thất thế, bị truy đuổi như Triều Mạc, cũng không bán rẻ đất nước cho ngoại bang. Năm 1594, Mạc Ngọc Liên chiếm giữ Vạn Ninh, trước khi chết để di chúc cho Mạc Kính Cung: “Nay vận khí nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là số trời, dân ta vô tội mà phải mắc nợ binh đao, sao lại nổi dậy... Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng” (28).

Quân Minh đầu TK 15 cũng khó mà có thể chiếm được Đại Việt làm quận huyện nếu không có những nhóm quý tộc như nhóm Mạc Thúc, vì quyền lợi riêng bán rẻ dân tộc cho người Minh. Nên biết Mạc Thúc là hậu duệ của danh nhân Mạc Đĩnh Chi, một đại thần nhà Trần... Nhà Thanh không thể chiếm Thăng Long nếu không có vua quan bán nước Lê Chiêu Thống, tức thay y lại là dòng dõi của anh hùng dân tộc Lê Lợi...

Than ôi! truyền thống thì hào hùng rực rỡ, tổ tiên phải đổ bao mồ hôi, xương máu mới có, nhưng bán rẻ nó đi thì thật dễ dàng. May sao từ ngàn xưa số những kẻ bán rẻ dân tộc như vậy là vô cùng nhỏ trong cộng đồng người Việt.1

CHÚ DẪN

1 “Vì sao đã thống trị Việt Nam hơn ngàn năm mà cuối cùng Trung Quốc vẫn không thể đồng hóa Việt Nam?”. <http://bbs.tianya.cn/post-no05-226522-1.shtml>

“ Người Việt Nam (tộc người Kinh) vì sao mà khó đồng hóa như vậy?” <http://lt.cjdbby.net/thread-1440161-1-1.html>

2 Có học giả Việt đương thời theo tự dạng vội suy đoán rằng viết như vậy có lẽ chỉ tộc người vác rìu đi (chạy) săn và tộc người trồng lúa trong ruộng. Chứng tỏ thời bấy giờ tộc Việt thuộc văn minh săn bắn và trồng trọt. Có lẽ không phải đơn giản như vậy. Khảo sát lịch sử văn tự thì thấy rằng Việt và Việt âm đọc gần nhau, “Sổ ký” viết là 𠂔, “Hán thư” viết là 𠂔. Âm đọc 𠂔 là từ âm đọc của chữ Vu 𠂔, người cõng 𠂔 là 𠂔. Vu 𠂔 viết theo lối chữ triện 𠂔 là 𠂔, hài thanh là chữ vũ 𠂔-mưa, viết lên trên thành 𠂔. Trong “Hán Thư” còn tồn nhiều chữ cõng, nên chữ Việt 𠂔 đầu cõng viết thành 𠂔, sau theo lối chữ lệ 𠂔, chữ khõ 𠂔 mới viết thành ra 𠂔, tức biến hóa hình chữ vũ 𠂔 đặt trên chữ Vu 𠂔.

3 “𠂔” 𠂔 (1131–1189) 𠂔 : 𠂔, 𠂔, 𠂔𠂔𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔𠂔𠂔𠂔), 𠂔, 𠂔, 𠂔, 𠂔𠂔, 𠂔(𠂔), 𠂔𠂔𠂔𠂔 #4 http://www.sino-platonic.org/complete/spp176_history_of_yue.html The Submerged History of Yuè. By Eric Henry, University of North Carolina

5 00-000 (145 – 86 TCN)

6000000: 00000000000000- Đ^o Cao Dương chỉ miêu duệ h^o, Tr^um
hoàng kh^oo vi^ot Bá Dung.

7. 𣎵𣎵𣎵𣎵𣎵𣎵: “𣎵𣎵𣎵𣎵𣎵- phong Hùng Dịch ư S𣎵 Man “, “ 𣎵𣎵: 𣎵𣎵𣎵𣎵𣎵𣎵𣎵- Hùng Cừ nói: Ta là dân man di, không cùng hiệu, thụy c𣎵a Trung qu𣎵c. Hùng Dịch (~1006 TCN) là vua lập ra nước S𣎵, Hùng Cừ (~877 TCN) là vua S𣎵 v𣎵 sau. S𣎵 Man là tên nhà Thương, Chu gọi dân Kinh S𣎵 b𣎵n địa, Man tức là Man Việt, tên tộc Việt thời nhà Thương.

8 Jerry Norman and Tsu-lin Mei, *Monumenta Serica*, Vol. 32 (1976), pp.274-301, Published by: Taylor & Francis, Ltd.

9 Ngũ Lĩnh-dãy núi phía Nam Trung Hoa chạy qua biên giới các tỉnh Quảng Tây, Hồ Nam, Giang Tây, Quảng Đông, có năm đỉnh cao (Ngũ lĩnh) là Ngũ Lĩnh (Việt Thành) (Đô Lung), Ngũ Lĩnh (Manh Chấn), Ngũ Lĩnh (Kỳ Điền), Ngũ Lĩnh (Đại Dữu).

10 Chữ Lạc có nhiều cách viết, đều đọc là Lạc. Hai chữ 𣎵, 𣎵 thường dùng như nhau để chép Lạc Việt trong sách cũ. Tiếng Bắc Kinh đọc là Luo, Quảng Đông đọc lok, Đài Đường đọc lak. Nhiều học giả cho rằng nguồn gốc chữ Lạc là do người Hán ghi âm chữ Lúa, Ló của người Việt, người Mường mà ra. Người Việt là tộc người có nền văn minh lúa nước.

110000.0000“0000000000000000000000000000Hoài Nam T. Nhân gia huân: (Tôn Hoàng) cho quân đào kênh thông đường vận lương, rồi đánh người Việt, giết được vua Tây Âu là Dịch Hu Tông”.

Triệu Đà dâng thư tạ tội với Hán Văn Đế: “đất phương Nam thộp, ẩm ướt. Trong các tộc man di ở đây, (chợ dăm) xưng vương phía Đông với dân Đông Âu vài ngàn khu, phía Tây với nước Âu Lạc khá thân (ý nói đóng khố cỡi ngựa).

1300000.000.000000“0000000000000000000000”0000“000000000000” Lã thị Xuân Thu-Hiếu hạnh lắm, bèn vị thiên:” Những thứ hoàn mỹ là gừng Dương Phác, quế Chiêu Diêu, Khuôn (Mãng) Việt Lạc” Cao Du chú giãi:” Việt Lạc là tên nước, Khuôn là măng tre”.

14 347 (347): Thường Cừ, “Hoa Dương Quốc Chí” (quyển 3-Thực Chí): “Trải qua Hạ, Thương, Chu, Vũ Vương phạt Trụ, cùng có nước Thục. Nước đó đông giáp nước Ba, nam giáp nước Việt, bắc phân giới với Tần,

Tây dựa Nga Ba” (vì vậy cư dân ở đây có thể là người Khơng, Hoa Ha và Việt-TGN).

#15“”“”
 ““Hoa Dương Quốc Chí,
 thiên Thực Chí”: “Mùa thu đời Chu Thận Vương thứ năm, các Đại
 Phu nhà Tần là Trương Nghi, Tư Mã Thác, Đô úy Mặc v.v theo
 đường Thạch Ngưu tiến phạt Thực. Thực Vương thân cùng Gia Mạnh
 cự địch, bị thất bại. Vương tháo chạy đến Vũ Dương thì bị quân
 Tần hại, Thái tử thoái lui về và chết tại núi Bạch Lộc. Dòng
 họ Khai Minh, truyền được 12 đời, đến đây bị diệt”. Vũ Dương
 nay là huyện Bình Sơn,Tứ Xuyên.

16

17□□□

18“.....”
.....” .: Việt
s lược: “thời chu Trang Vương, ở Gia Ninh bộ có người tài,
dùng xỏ thuật thu phục được các bộ lạc, tự xưng là Đệi Vương,
đô ở Văn Lang, nước là Văn Lang. Tục lệ thu nộp hậu, chính sự
nghiêm chỉnh, truy cập 18 đời, đều xưng là Đệi Vương. Việt Vương
Câu Tiễn đã từng đến dự, Vương đều từ chối. Vào cuối đời nhà
Chu bị Thục Vương Tề tên là Phán đánh đuổi, thay thế trị vì.
Phán xây thành Việt Thường, hiệu là An Dương Vương, tuyệt giao
với nhà Chu”.

1900·[redacted]“[redacted]
[redacted]? [redacted]Sách “Th_y Kinh.Diệp
Du Th_y chú”, d_n theo “Giao Châu Ngoại Vực Ký” vi_t rằng:
Giao Ch_i thời chưa có quận huyện, đ_ai thì có Lạc đi_n,
nước ruộng lên xu_{ng} theo tri_u, dân làm ruộng sinh s_{ng}, nên
gọi là Lạc dân. Thi_t đặt Lạc Vương, Lạc h_u cai qu_n các quận
huyện. ?? v_e sau Thực vương t_x xưa quân tướng ba vạn đánh Lạc
Vương, Lạc H_u, thu phục các Lạc Tướng. Thực vương t_x xưng là
An Dương Vương.

20.**Sách “Cựu Đường Thư” dñ lại “Nam Việt Chí” viťt rằng:**

Đĩt Giao Chũ rĩt mũu mũ, xưa có vua gọi là Hùng Vương, phò tá là các Hùng Hũ. Vĩ sau ba vạn quân tướng củ Thục vương đánh bại Hùng Vương. Con củ Thục Vương xưng là An Dương

Vương, cai trị Giao Chỉ.

21 So sánh các sách thì “Giao Châu ngoại vực ký” là c̣nḥt, ít nḥt là trước đời Ngụy Ṭn (TK3), “Nam Việt Chí” soạn sau thời Ḅc Ngụy, còn “Việt ṣ lược” có lẽ soạn thời Ḥng Vũ (~1358) nhà Minh sau này. Quân Vương c̣a nước Lạc Việt theo sách c̣nḥt (“Giao châu ngoại vực ký”) ghi là Lạc Vương 𣪠, sách ṿ sau (Việt ṣ lược, Nam Việt chí) thì ghi là Đ̣i Vương 𣪠, Hùng Vương 𣪠. Một ṣ học gị Trung Hoa và Qục ṭ ngờ rằng ba chữ 𣪠, 𣪠, 𣪠 (bộ tḥ “chuy 𣪠”) nguyên cḥ là chữ 𣪠 (Lạc) do ṃy trăm năm sau sao chép nḥm pḥn các chữ ghép (chữ các 𣪠 thành chữ thạch 𣪠 hay chữ quǎng 𣪠) mà ra. Tuy nhiên nhịu học gị Việt Nam không nḥt trí, vì cho rằng các nhà Nho Việt Nam ngày xưa đ̣u ṛt uyên thâm, khó mà ḷm ḷn được. Ai cũng có lý c̣! 22 Các sách c̣a Việt Nam có nói đ̣n Hùng Vương, An Dương Vương c̣nḥt như Lĩnh Nam Chích Quái 𣪠𣪠𣪠𣪠, Việt Điện U Linh Tập 𣪠𣪠𣪠𣪠 hay Đại Việt ṣ ký toàn thư 𣪠𣪠𣪠𣪠𣪠 thì cũng soạn vào thời Tṛn, muộn hơn nhịu so với các sách c̣a Trung Hoa như Giao Châu Ngoại Vực Ký 𣪠𣪠𣪠𣪠, Thái Bình Ngự Lãm 𣪠𣪠𣪠. Cho nên các sự tích và tên tụi như Hùng Vương, An Dương Vương... cḥc là chép lại từ sách Trung Hoa, vì Việt lúc đó không có chữ vịt... Ṭt nhiên, cũng không loại trừ có những ý kịn khác.

[illegible]

2400000000348:.....
.....: “Thái Bình Ngự Lãm, quyển 348 ḍn “Nhật Nam Truyện” vīt:... một phát gīt vạn người, ba phát gīt ba vạn người. Đà lui, sai thái t̄ Th̄y hàng An Dương. An Dương không bīt Thông là th̄n nhân, th̄y (vua) không hīu đạo lý, Cao Thông bèn b̄ đi. Th̄y có tư dung đoan mỹ, con gái An Dương Vương là My Châu vì thích y đẹp mà xiêu lòng. Th̄y sai Châu vào kho cửa đút n̄ th̄n r̄i v̄ nước báo tin. Đà līn xūt kỳ b̄t ý (tīn đánh). An Dương Vương n̄ gãy binh tan, tr̄n chạy ra bīn. (Thái Bình Ngự Lãm là sách soạn vào thời B̄c T̄ng (977 -984), trích d̄n “Nhật Nam

Truyện” thì chắc là còn cũ hơn. “Nhật Nam Truyện” hình như đã thất truyền, chỉ thấy trích dẫn lại ở sách này-TGN).

25 Người viết bài này đã đến thăm và khảo sát khá kỹ Bào Tàng Nam Việt Vương ở Quảng Châu. Bào tàng xây trên khu lăng mộ của Triệu Mô, vua kế vị Triệu Đà (Thấy chết sớm, Mô là con Thấy thay). Ngôi mộ được phát hiện năm 1983, hầu như còn nguyên vẹn, đồ tạo tác rất kỳ vĩ, tinh xảo chứng tỏ trình độ văn minh của người Việt lúc đó khá cao, nếu không nói là hơn hẳn người Hán. Xem bào tàng thấy các công vật trưng bày như thạp đồng, trống đồng, vũ khí... giăng in và còn phong phú hơn nhiều so với Bào Tàng Lịch Sử quốc gia Việt Nam giai đoạn lịch sử đó.

#26 Lữ Gia, Thừa tướng nắm quyền hành của nước Nam Việt, chống lại nhà Hán, thua trận bị chém chết. Lữ Gia và người ở Quận Cửu Chân (Thanh Hóa ngày nay), lăng mộ và đền thờ hiện còn ở Ân Thi, Hưng Yên

27 Nguyễn Hải Hoành: Tại sao Việt Nam không bị đồng hóa sau 1.000 năm Bắc thuộc?

– <http://nghiencuuquocte.org/2015/09/07/viet-nam-khong-bi-dong-hoa-1000-nam-bac-thuoc/#sthash.0FZriY2F.dpuf>.

28 Đại Việt sử ký toàn thư – NXB VHTT năm 2000, tập 3, trang 294.

* Người viết bài này xin bày tỏ lời cảm ơn nhà Hán học, dịch giả Trần Đình Hiên về những thảo luận, góp ý quý giá cho phần dịch các đoạn trích trong các sách sử cũ viết bằng văn ngôn trên đây.